TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hài

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Đỗ Thị Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2020/TLST - HNGĐ, ngày 16/4/2020 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện anh Q đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn Q xây dựng gia đình năm 2012 trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng kí kết hôn tại UBND xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q chơi bời cờ bạc, anh Q còn sử dụng chất ma túy, tôi và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, không chịu tu chí làm ăn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và có xô xát nhiều lần. Tháng 02/2020 thì anh Q bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay không ai còn quan tâm gì tới nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh Q có 02 con chung:

1. Nguyễn Thúy H, sinh ngày 12/9/2013

2. Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/9/2017.

Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng với bố mẹ anh Q, khi ly hôn tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, tôi không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tôi và anh Q không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Về công sức đóng góp trong gia đình nhà chồng: Tôi không có công sức đóng góp nên không ý kiến và không đề nghị gì.

Lời khai của bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2012, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình tôi. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng hay xảy ra cãi cọ, tôi có đánh chị H một lần. Sau đó chị H bỏ đi làm ăn, vợ chồng bắt đầu xa cách dần. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2019 tới nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Đến tháng 02/2020 tôi bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ không còn, tôi nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị H có 02 con chung:

1. Nguyễn Thúy H, sinh ngày 12/9/2013

2. Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/9/2017.

Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng với bố mẹ đẻ tôi, khi ly hôn tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi một con chung, trường hợp không đủ điều kiện nuôi con, tôi nhất trí để chị H trực tiếp nuôi cả hai con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu xem xét.

Về tài sản: Tôi và chị H không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị H giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); 02 giấy khai sinh của con chung (cùng bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của chị Hường (bản sao); 01sổ hộ khẩu gia đình (bản sao). Anh Q không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết việc xin ly hôn, xin đề nghị được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét, về tài sản không có. Anh Nguyễn Văn Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147 và Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

+ Về con chung: Giao cả hai con chung:

1. Nguyễn Thúy H, sinh ngày 12/9/2013

2. Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/9/2017.

cho chị Hường trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Q xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tại phiên hòa giải, do anh đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên nên vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Nguyễn Văn Q cư trú tại Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, anh Nguyễn Văn Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị H cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thị vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía chị H cho rằng anh Q chơi bời, cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn, anh Q còn sử dụng trái phép chất ma túy bị cơ quan Công an bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đến tháng 6/2019 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng hay xảy ra xô xát cãi nhau, anh có đánh chị, sau đó chị bỏ đi làm ăn vợ chồng bắt đầu xa cách dần, đến tháng 7/2019 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh cũng

xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn và anh xin xét xử vắng mặt do anh đang bị bắt tạm giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ năm 2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau…, do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị H và anh Q cùng xác định vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Thúy H, sinh ngày 12/9/2013

2. Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/9/2017.

Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng bố mẹ đẻ anh Q. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị xác định hiện nay chị đang lao động tự do thu nhập đủ khả năng và điều kiện để nuôi con chung. Phía anh Q có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi 01 con chung, trường hợp không đủ điều kiện để nuôi con chung thì anh nhất trí giao cả hai con chung cho chị Hường trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh Q đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, nếu giao 01 con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo do anh đang bị bắt tạm giam, phía chị H hiện nay đang lao động tự do, tại phiên tòa chị cho rằng thu nhập hiện nay của chị đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cả hai con chung. Xét nguyện vọng của cả chị H, anh Q, hiện nay cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế cần giao cả hai con chung Nguyễn Thúy H sinh ngày 12/9/2013 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/9/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi trừ trường hợp chi H, anh Q có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do đương sự không yêu cầu. Về quyền thăm nom con chung anh Q có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị H, anh Q cùng xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên HĐXX không không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định nộp ngân sách nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phíTòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung:

1. Nguyễn Thúy H, sinh ngày 12/9/2013

2. Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/9/2017.

cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị H, anh Q có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013256 ngày 16/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO NGỌC HÀI